

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/DS-PT.

Ngày 17 - 3 - 2025.

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Lộc.

Bà Phạm Thị Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2025/TLPT - DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2024/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1960 (có mặt).

2.2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1948 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L là: Ông Võ Minh S, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Vào ngày 04/3/1993. Cụ Đinh Thị N, sinh năm 1928 (chết năm 2021) và ông Trần Văn C cho vợ chồng ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L mượn 2500m² đất trồng lúa. Sau đó, ông T và bà L nhờ cụ N và ông C cầm cố giùm 2500m² đất cho bà Trịnh Thị C1, sinh năm 1962; nơi cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, với giá 11 chỉ vàng 24 kara, ông T và bà L đã nhận đủ 11 chỉ vàng 24 kara. Theo thỏa thuận thì thời hạn 01 năm ông T và bà L sẽ trả lại 11 chỉ vàng để cụ N và ông C chuộc lại đất (sự việc này các bên có làm giấy hợp đồng mượn ruộng sản xuất bằng văn bản). Tuy nhiên, đến hạn ông T và bà L không trả lại 11 chỉ vàng, do sợ mất đất nên ông C đã xuất ra 11 chỉ vàng (số vàng của cá nhân ông C) để chuộc lại đất.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C 11 chỉ vàng 24 kara.

- Theo đơn phản tố ngày 05/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L trình bày:

Ông T và bà L xác định vào ngày 04/3/1993, ông bà có mượn của cụ N và ông C 2500m² đất trồng lúa. Sau đó, ông bà có nhờ cụ N và ông C cầm cố giùm 2500m² đất cho bà Trịnh Thị C1, với giá là 11 chỉ vàng 24 kara, ông bà đã nhận đủ 11 chỉ vàng và hẹn 01 năm sau ông bà sẽ trả lại 11 chỉ vàng để cụ N và ông C chuộc lại đất đúng như giấy hợp đồng mượn ruộng sản xuất và lời trình bày của ông C. Tuy nhiên, ông T và bà L cho rằng khoảng 03 – 04 năm sau (không nhớ rõ thời gian cụ thể) ông bà đã trả lại 11 chỉ vàng cho cụ N rồi (việc trả vàng không có làm giấy tờ gì). Ngoài ra, ông T và bà L còn cho rằng vụ việc này vào

khoảng năm 2010 ông C đã thưa ông bà ra Ủy ban nhân dân xã T để giải quyết và vụ việc hoà giải không thành. Nhưng sau đó C không đi khởi kiện tại Tòa án, nay ông C mới đi khởi kiện nên ông bà không đồng ý trả cho ông C 11 chỉ vàng 24 kara.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2024/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 6 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C. Buộc ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn C 11 (mười một) chỉ vàng 24 kara.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/12/2024 bị đơn ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận việc ông Trần Văn C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L trả cho ông C số nợ 11 (mười một) chỉ vàng 24 kara.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L có ông Võ Minh S làm đại diện vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo của ông T và bà L.

Ông Trần Văn C không đồng ý với kháng cáo của ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/DS-ST ngày 19/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông T và bà L. Do ông T và bà L là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục*: Đơn kháng cáo của ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L đúng về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung*:

[1] Vào ngày 04/3/1993, cụ Đinh Thị N, sinh năm 1928 (chết năm 2021) và con là ông Trần Văn C có cho ông T và bà L mượn 2500m² đất trồng lúa. Sau đó, ông T và bà L nhờ cụ N và ông C cầm cố giữ 2500m² đất ông T và bà L mượn của cụ N và ông C cho bà Trịnh Thị C1 với giá là 11 chỉ vàng 24 kara, ông T và bà L đã nhận đủ 11 chỉ vàng 24 kara và các bên thoả thuận thời hạn 01 năm ông T và bà L sẽ trả 11 chỉ vàng để cụ N và ông C chuộc lại đất là có thật. Bởi, sự việc này các đương sự có làm giấy hợp đồng mượn ruộng sản xuất bằng văn bản và các đương sự đều thừa nhận đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông T và bà L kháng cáo cho rằng khoản 03-04 năm sau khi cố đất nhận vàng thì ông T và bà L có trả lại cho cụ N hai lần cộng chung đủ 11 chỉ vàng 24 kara không làm biên nhận cụ thể như sau. Lần 1: trả cho cụ N 05 (năm) chỉ vàng 24 kara có chị Trần Thị Y là chị ruột của bà L và ông C làm chứng. Lần 2: trả 06 (sáu) chỉ vàng 24 kara có bà Đặng Thị Hồng T1 là em dâu của bà L và là chị dâu của ông C làm chứng, phía ông C không thừa nhận. Ngoài 02 người làm chứng này ra ông T và bà L không có cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh thể hiện đã trả cho cụ năm nhận 11 chỉ vàng 24 kara. Xét thấy, những người làm chứng là bà Y và bà T1 đều là người có quan hệ trong gia đình của nhau. Nên việc làm chứng trong vụ án không đảm bảo tính khách quan.

Mặc khác, người nhận cổ đất là bà Trịnh Thị C1 xác định đã nhận của ông C 11 chỉ vàng 24 kara để cho chuộc lại đất trước đây ông T và bà L mượn cổ cho bà C1. Do ông T và bà L chưa trả lại cho ông C 11 chỉ vàng 24 kara chuộc lại đất. Nên án sơ thẩm giải quyết buộc ông T và bà L trả lại cho ông C 11 chỉ vàng 24 kara là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Xét kháng cáo của ông T và bà L không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thống nhất giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông T và bà L. Do ông T và bà L là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2024/DS-ST ngày 19/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Áp dụng: Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C. Buộc ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn C 11 (mười một) chỉ vàng 24 kara.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông T và bà L. Do ông T và bà L là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TPHCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng TT, KT&THA TAND TVL:01b;
- TAND H Mang Thít: 01b;
- Chi cục THADS H Mang Thít: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường